

DATA CENTER X BASOR ELECTRIC

NHỮNG TRƯỜNG HỢP THÀNH CÔNG

CASES OF SUCCESS

DATA CENTER
TRUNG TÂM DỮ LIỆU

BEBasor
CABLE TRAY SPECIALIST

#YOURGLOBALPARTNER

3E Basor
CABLE TRAY SPECIALIST

+ MORE
THAN

1000

**REALIZED PROJECTS
IN THE LAST 15 YEARS**



**RENEWABLE
ENERGY**



**INDUSTRIAL
PLANTS**



**FOOD
INDUSTRY**



**SHIP
BUILDING**



INFRASTRUCTURE



**DATA
CENTER**



OIL & GAS



**WATER
TREATMENT**



MINING

BeGreen

TOGETHER FOR A
BETTER WORLD

DATA CENTER SECTOR

The data center sector in Vietnam is growing rapidly due to digitalization, increased internet usage, and foreign investment. With a young and connected population, Vietnam has become attractive to tech companies seeking reliable infrastructure in Southeast Asia.

Demand for cloud services and data storage is driving the entry of major players like AWS, Microsoft, and Google. The government supports this development with favorable policies and improved connectivity.

Cities like Ho Chi Minh and Hanoi are seeing the construction of modern data centers that meet international standards. Vietnam is positioning itself as a new strategic digital hub in the Asia-Pacific region.

NGÀNH TRUNG TÂM DỮ LIỆU

Ngành trung tâm dữ liệu tại Việt Nam đang phát triển nhanh chóng nhờ quá trình số hóa, sự gia tăng sử dụng internet và dòng vốn đầu tư nước ngoài. Với dân số trẻ và kết nối cao, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho các công ty công nghệ đang tìm kiếm cơ sở hạ tầng đáng tin cậy tại Đông Nam Á.

Nhu cầu về dịch vụ đám mây và lưu trữ dữ liệu đang thúc đẩy sự tham gia của các tập đoàn lớn như AWS, Microsoft và Google. Chính phủ đang hỗ trợ sự phát triển này thông qua các chính sách thuận lợi và cải thiện kết nối. Các thành phố như TP.

Hồ Chí Minh và Hà Nội đang chứng kiến sự xây dựng của các trung tâm dữ liệu hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế. Việt Nam đang định hình là một trung tâm kỹ thuật số chiến lược mới tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

LOCATED AT / NẪM Ở :
Bangkok (Thailand)

MATERIAL / VẬT LIỆU :
BasorFil BFR



HUAWEI Data Center



BASORFIL BFR



BASORSUPPORT



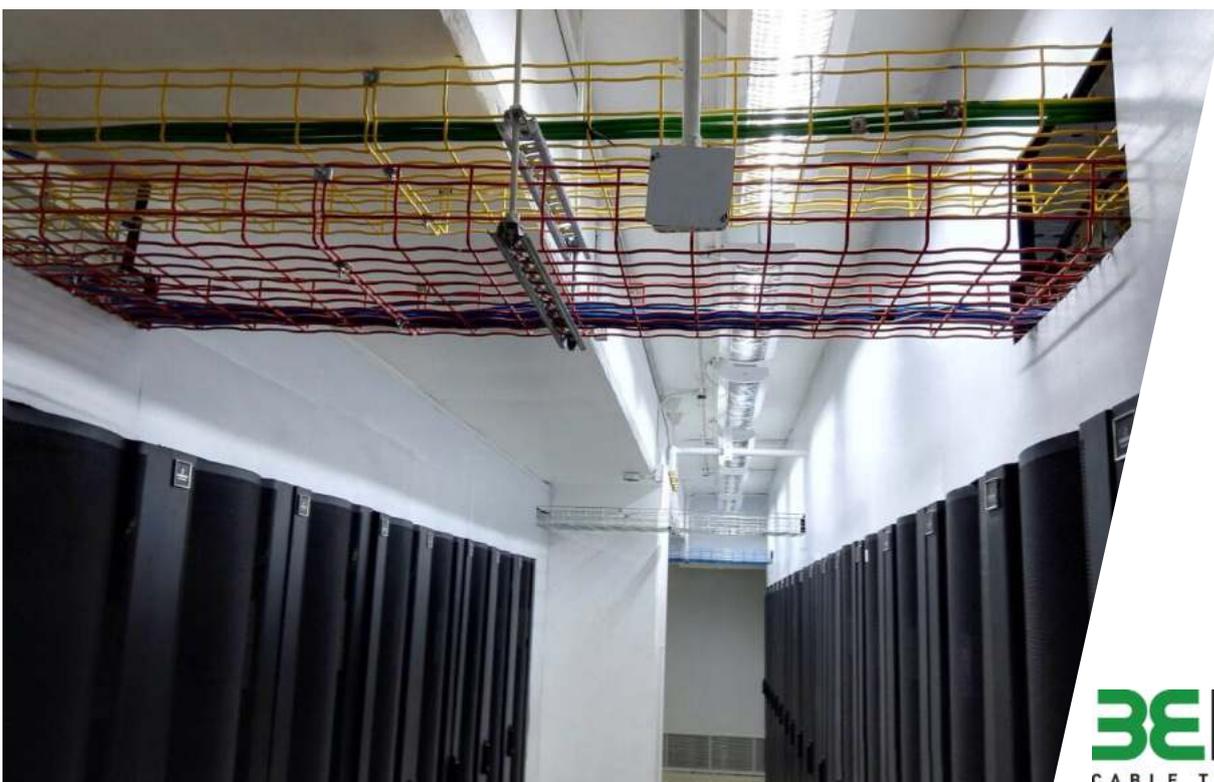
HUAWEI BANGKOK

In 2015, Huawei inaugurated a modern data center in Bangkok, marking a milestone in its expansion strategy in Southeast Asia. This facility, valued at over \$15 million, was designed to provide cloud services and ICT solutions to local and regional businesses. Huawei's data center in Thailand offers secure, scalable, and efficient infrastructure, supporting the country's digital transformation and its "Thailand 4.0" initiative.

Additionally, it serves as a key platform for promoting the adoption of emerging technologies such as big data and artificial intelligence. The investment reinforces Huawei's commitment to the region's technological development and positions Bangkok as an important hub within its global data center network.

Vào năm 2015, Huawei đã khánh thành một trung tâm dữ liệu hiện đại tại Bangkok, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong chiến lược mở rộng tại Đông Nam Á. Cơ sở này, trị giá hơn 15 triệu đô la, được thiết kế để cung cấp dịch vụ đám mây và giải pháp CNTT cho các doanh nghiệp trong nước và khu vực. Trung tâm dữ liệu của Huawei tại Thái Lan cung cấp hạ tầng an toàn, có thể mở rộng và hiệu quả, hỗ trợ chuyển đổi số của quốc gia và sáng kiến "Thailand 4.0".

Ngoài ra, đây còn là nền tảng quan trọng thúc đẩy ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo. Khoản đầu tư này củng cố cam kết của Huawei với sự phát triển công nghệ khu vực và định vị Bangkok là trung tâm quan trọng trong mạng lưới trung tâm dữ liệu toàn cầu của họ.



SAP Data Center

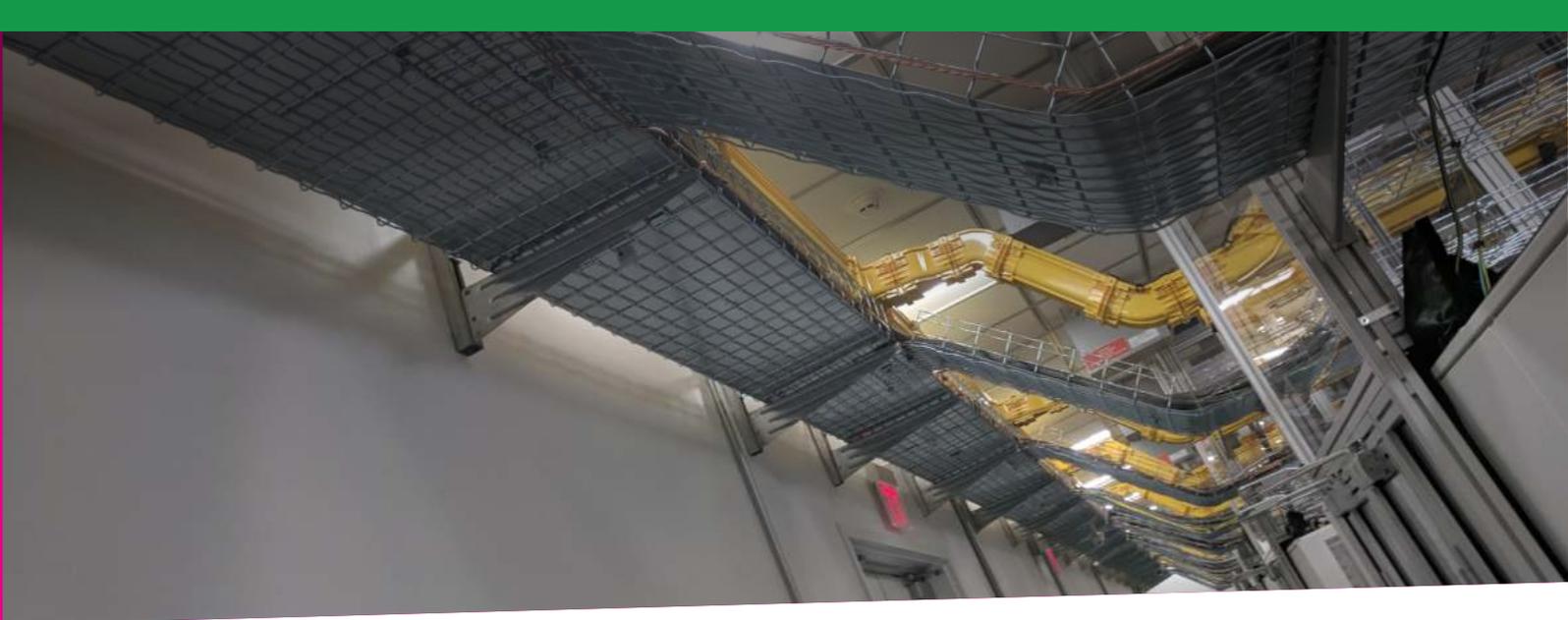
LOCATED AT / NẴM Ở:
COLORADO (USA)
MATERIAL / VẬT LIỆU:
BasorFil BF2R



BASORFIL BF2R



BASORSUPPORT



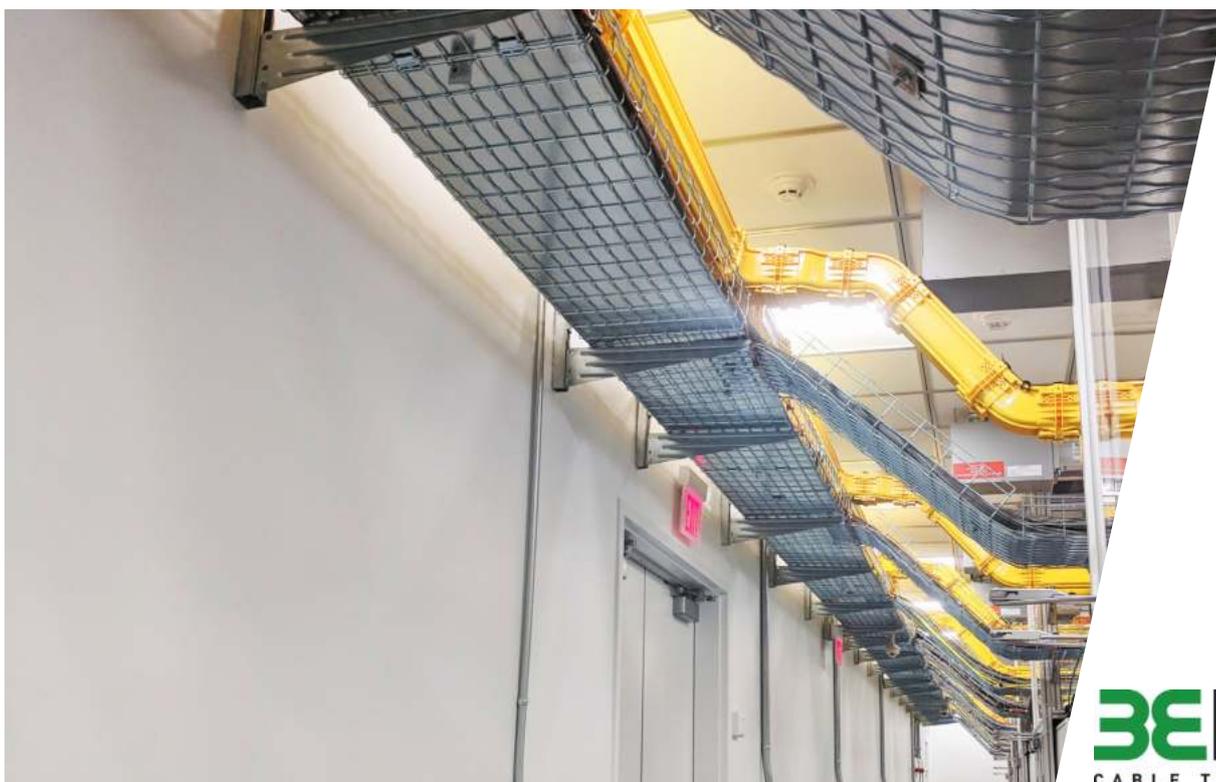
SAP NORTH AMERICA

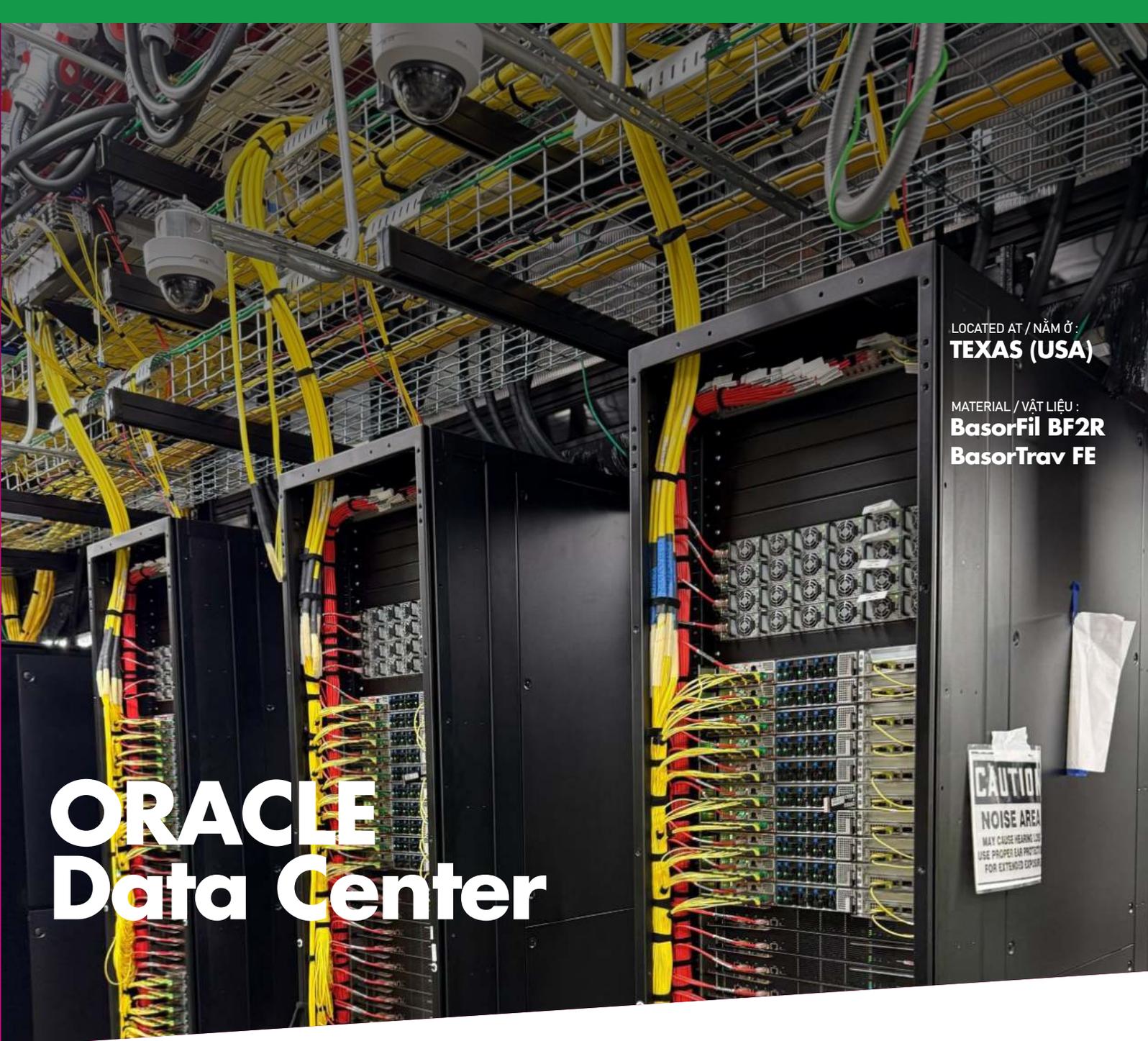
In 2018, SAP launched an advanced data center in Colorado, strengthening its infrastructure in North America. This facility is designed to provide cloud services, support enterprise applications, and deliver digital solutions to clients worldwide. SAP's data center in Colorado stands out for its high energy efficiency and commitment to sustainability, using innovative technologies to reduce electricity consumption and carbon footprint.

It also features advanced security systems to protect critical user information. This strategic investment enables SAP to offer faster, more reliable, and scalable services, meeting the growing global demand for enterprise technology solutions and reinforcing its presence in the North American market.

Vào năm 2018, SAP đã khánh thành một trung tâm dữ liệu tiên tiến tại Colorado, củng cố cơ sở hạ tầng của mình tại Bắc Mỹ. Cơ sở này được thiết kế để cung cấp dịch vụ đám mây, hỗ trợ các ứng dụng doanh nghiệp và cung cấp các giải pháp kỹ thuật số cho khách hàng trên toàn cầu. Trung tâm dữ liệu của SAP tại Colorado nổi bật với hiệu suất năng lượng cao và cam kết phát triển bền vững, sử dụng các công nghệ tiên tiến để giảm tiêu thụ điện và dấu chân carbon.

Ngoài ra, nó còn được trang bị các hệ thống bảo mật hiện đại để bảo vệ thông tin quan trọng của người dùng. Khoản đầu tư chiến lược này giúp SAP cung cấp dịch vụ nhanh hơn, tin cậy hơn và có khả năng mở rộng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về giải pháp công nghệ doanh nghiệp toàn cầu và củng cố vị thế tại thị trường Bắc Mỹ.





LOCATED AT / NẴM Ở:
TEXAS (USA)

MATERIAL / VẬT LIỆU:
BasorFil BF2R
BasorTrav FE

ORACLE Data Center

ORACLE



BASORTRAV FE



BASORFIL BF2R



BASORSUPPORT



ORACLE NORTH AMERICA

The Stargate project is the development of the largest data center in the world, located in the United States. Designed to offer unprecedented capacity, Stargate is built to support the growing global demand for data storage and processing. This data center integrates advanced energy-efficient technologies, using renewable sources to minimize its environmental impact. It also features state-of-the-art infrastructure that ensures high security and continuous availability, essential for cloud services, artificial intelligence, and big data.

The project reflects the trend toward massive expansion of data centers to support global digitalization and connectivity. Stargate represents a significant leap in global technological infrastructure, positioning itself as a key pillar in the future digital economy.

Dự án Stargate là sự phát triển của trung tâm dữ liệu lớn nhất thế giới, nằm tại Hoa Kỳ. Được thiết kế để cung cấp sức chứa chưa từng có, Stargate được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về lưu trữ và xử lý dữ liệu toàn cầu. Trung tâm dữ liệu này tích hợp các công nghệ tiết kiệm năng lượng tiên tiến, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo để giảm thiểu tác động môi trường. Nó cũng sở hữu hạ tầng hiện đại đảm bảo an ninh cao và khả năng hoạt động liên tục, rất cần thiết cho các dịch vụ đám mây, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn.

Dự án phản ánh xu hướng mở rộng quy mô lớn của các trung tâm dữ liệu nhằm hỗ trợ số hóa và kết nối toàn cầu. Stargate đại diện cho bước tiến quan trọng trong hạ tầng công nghệ toàn cầu, trở thành trụ cột then chốt trong nền kinh tế kỹ thuật số tương lai.



AMAZON Data Center

LOCATED AT / NẪM Ở :
ZARAGOZA (SPAIN)

MATERIAL / VẬT LIỆU :
BasorFil B2FR



BASORFIL BF2R



BASORSUPPORT



AMAZON SPAIN

Amazon Web Services (AWS) has strengthened its presence in Spain by opening several regions and data centers that support the country's digital transformation. These infrastructures allow Spanish companies across all sectors to access secure, scalable, and efficient cloud services. AWS drives technological innovation by enabling the development of solutions based on artificial intelligence, big data, and cloud computing. Additionally, it actively collaborates with educational institutions, startups, and public organizations to promote digital talent and research.

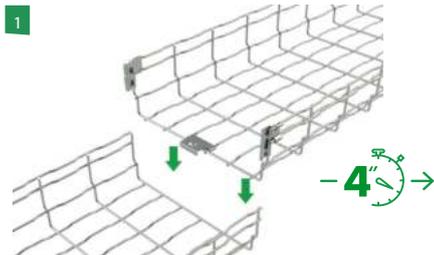
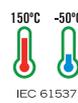
AWS's investment contributes to the creation of skilled jobs and positions Spain as a key technology hub in Europe, enhancing competitiveness and modernizing the national economy.

Amazon Web Services (AWS) đã củng cố sự hiện diện tại Tây Ban Nha bằng cách mở nhiều vùng và trung tâm dữ liệu hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của đất nước. Các cơ sở hạ tầng này cho phép các công ty Tây Ban Nha ở nhiều lĩnh vực tiếp cận dịch vụ đám mây an toàn, có thể mở rộng và hiệu quả. AWS thúc đẩy đổi mới công nghệ bằng cách hỗ trợ phát triển các giải pháp dựa trên trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và điện toán đám mây. Ngoài ra, AWS còn hợp tác tích cực với các tổ chức giáo dục, startup và các cơ quan công cộng để phát triển tài năng số và nghiên cứu.

Đầu tư của AWS góp phần tạo việc làm có kỹ năng và định vị Tây Ban Nha là trung tâm công nghệ quan trọng tại châu Âu, nâng cao tính cạnh tranh và hiện đại hóa nền kinh tế quốc gia.



BasorFil BFR



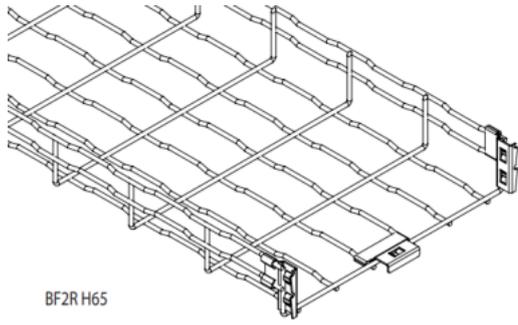
| H65 | | | | | | |
|-----|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 1m | 1,5m | 2m |
| 60 | 2 | 25 | 3,9 | 100% | 100% | 100% |
| 100 | 4 | 51 | 7,8 | 100% | 100% | 100% |
| 150 | 6 | 81 | 12,5 | 100% | 100% | 100% |
| 200 | 8 | 111 | 17,2 | 100% | 100% | 86% |
| 300 | 12 | 170 | 26,4 | 100% | 100% | 64% |
| 400 | 16 | 228 | 35,4 | 100% | 95% | 67% |
| 500 | 20 | 286 | 44,3 | 100% | 91% | 61% |
| 600 | 24 | 345 | 53,5 | 100% | 82% | 57% |

| H105 | | | | | | |
|------|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 1m | 1,5m | 2m |
| 100 | 2 | 92 | 14,2 | 100% | 100% | 100% |
| 150 | 3 | 146 | 22,6 | 100% | 100% | 96% |
| 200 | 4 | 199 | 30,8 | 100% | 100% | 77% |
| 300 | 6 | 305 | 47,3 | 100% | 86% | 57% |
| 400 | 9 | 410 | 63,6 | 100% | 95% | 58% |
| 500 | 18 | 518 | 80,2 | 100% | 80% | 50% |
| 600 | 24 | 625 | 96,9 | 100% | 73% | 45% |

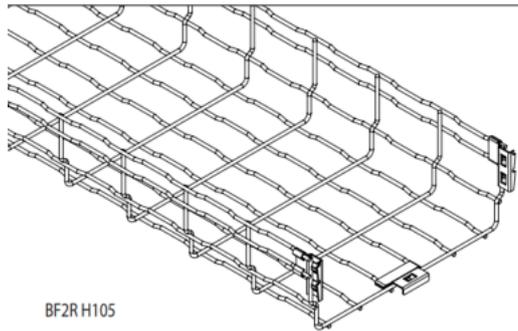
*Maximum filling depending on support span (m) considering a cable load of 0,23 kg/(m·cm²)

Mức độ lấp đầy tối đa tùy thuộc vào khoảng cách giữa các giá đỡ (m), với tải trọng cáp là 0,23 kg/(m·cm²)

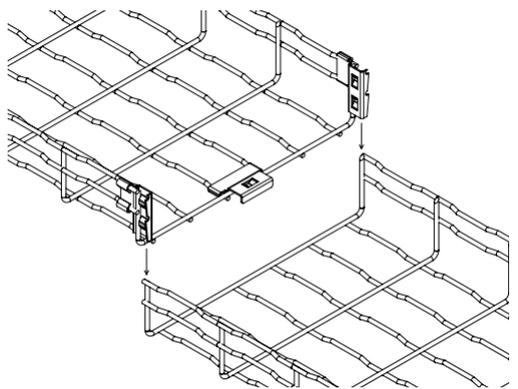
DATA SHEET / BẢNG DỮ LIỆU



BF2R H65



BF2R H105



MODELS / MÀU

60x65; 100x65; 150x65; 200x65; 300x65; 400x65; 500x65; 600x65;
100x105; 150x105; 200x105; 300x105; 400x105; 500x105; 600x105

COATINGS / LỚP PHỦ

EZ, EZ1000

CHARACTERISTICS / ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM

Metallic / Kim loại

Non-flame propagating / Không lan truyền ngọn lửa

System with electrical continuity / Hệ thống có tính liên tục điện

Electrically conductive component / Thành phần dẫn điện

Minimum temperature: -50 °C / Nhiệt độ tối thiểu: -50 °C

Maximum temperature: 150 °C / Nhiệt độ tối đa: 150 °C

With metallic coating, corrosion resistance:

Có lớp phủ kim loại, khả năng chống ăn mòn:

EZ finish: class 3 / Hoàn thiện EZ: cấp độ 3

EZ1000 finish: class 8+ (>1000 hours salt spray)

Hoàn thiện EZ1000: cấp độ 8+ (>1000 giờ phun sương muối)

Impact resistance: 20 J / Khả năng chịu va đập: 20J

Compliant with RoHS Directive 2011/65/EU / Tuân thủ Chỉ thị RoHS 2011/65/EU

Classification according to the free area of the base:

Phân loại theo diện tích thông thoáng của đáy:

| Base Modelos | Clasificación |
|--------------|---------------|
| 60 I304/I316 | Z |
| 60 EZ/EZ1000 | X |
| 100 | Y |
| 150 | Z |
| 200 | Y |
| 300 | Y |
| 400 | Y |
| 500 | Y |
| 600 | Y |

ASSEMBLY INSTRUCTIONS / HƯỚNG DẪN LẮP RÁP

- BASORFIL BF2R trays do not require any additional elements for assembly. They are installed simply by placing one tray over the previous one and applying pressure.
- Cable tray installations for electrical conduits MUST NOT be placed below other types of conduits, such as those for water, steam, or gas.
- For easier cable handling, it is recommended to install the trays with a spacing of 250 mm between them.
- Trays mounted on supports should be installed 20 mm away from the wall to allow optimal cable ventilation.
- It is recommended to place the joints at a distance between L/4 and L/5 of the span between supports.

- Máng cáp BASORFIL BF2R không cần bất kỳ phụ kiện bổ sung nào để lắp ráp. Chỉ cần đặt máng mới chồng lên máng trước và ấn nhẹ để cố định.

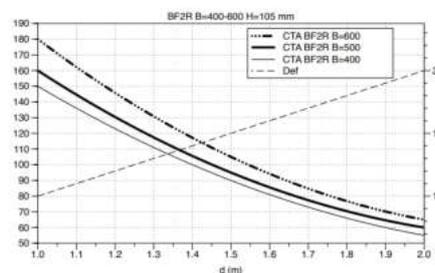
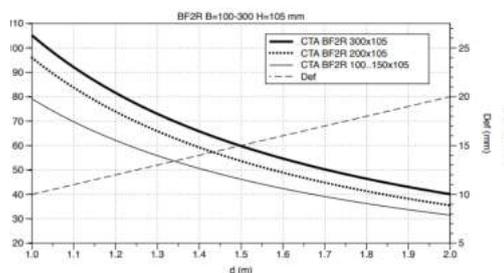
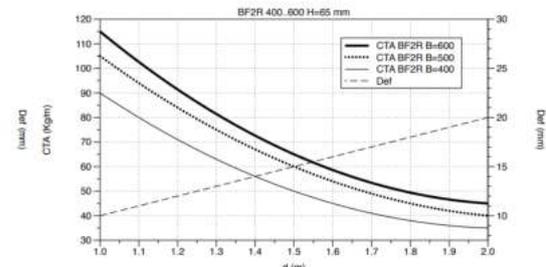
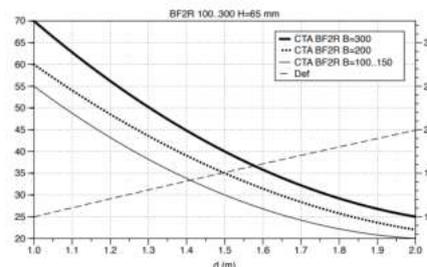
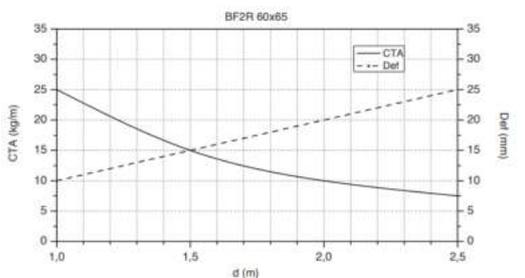
- Không được lắp đặt máng cáp điện bên dưới các hệ thống đường ống khác, như ống nước, hơi nước hoặc khí gas.

- Để dễ dàng thao tác với cáp, khuyến nghị lắp đặt các máng cáp cách nhau 250 mm.

- Các máng cáp lắp trên giá đỡ nên cách tường 20 mm để đảm bảo thông gió tối ưu cho cáp.

- Nên lắp các khớp nối ở khoảng cách từ L/4 đến L/5 so với khoảng cách giữa các giá đỡ.

SAFE WORKING LOAD / TẢI TRỌNG LÀM VIỆC AN TOÀN



This technical data sheet, issued in compliance with the product standard, already constitutes the necessary electrical risk analysis in accordance with the Low Voltage Directive 2014/35/EU of February 26, 2014, in force since May 20, 2016.

Bảng dữ liệu kỹ thuật này, được ban hành phù hợp với tiêu chuẩn sản phẩm, đã bao gồm phân tích rủi ro điện cần thiết theo Chỉ thị Điện áp Thấp 2014/35/EU ngày 26 tháng 2 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2016.

BasorFil **BFR**



| H35 | | | | | | |
|-----|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 1m | 1,5m | 2m |
| 100 | 2 | 23 | 3,5 | 100% | 100% | 100% |
| 150 | 3 | 36 | 5,6 | 100% | 100% | 100% |
| 200 | 4 | 50 | 7,7 | 100% | 100% | 87% |
| 300 | 6 | 77 | 11,9 | 100% | 100% | 56% |

| H105 | | | | | | |
|------|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 1m | 1,5m | 2m |
| 100 | 2 | 89 | 14,0 | 100% | 100% | 100% |
| 150 | 3 | 141 | 22,0 | 100% | 100% | 93% |
| 200 | 4 | 193 | 30,0 | 100% | 100% | 72% |
| 300 | 6 | 297 | 46 | 100% | 81% | 47% |
| 400 | 9 | 401 | 62,2 | 100% | 76% | 42% |
| 450 | 12 | 453 | 70,2 | 100% | 67% | 37% |
| 500 | 18 | 505 | 78,3 | 100% | 60% | 34% |
| 600 | 24 | 609 | 94,4 | 100% | 50% | 28% |
| 600 | 24 | 322 | 49,9 | 100% | 74% | 43% |

| H65 | | | | | | |
|-----|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 1m | 1,5m | 2m |
| 60 | 2 | 23 | 3,6 | 100% | 100% | 95% |
| 100 | 4 | 47 | 7,3 | 100% | 100% | 100% |
| 150 | 6 | 75 | 11,6 | 100% | 100% | 100% |
| 200 | 8 | 102 | 15,8 | 100% | 100% | 100% |
| 300 | 12 | 157 | 24,3 | 100% | 100% | 69% |
| 400 | 16 | 212 | 32,9 | 100% | 92% | 51% |
| 450 | 18 | 240 | 34,8 | 100% | 82% | 45% |
| 500 | 20 | 267 | 36,7 | 100% | 90% | 52% |
| 600 | 24 | 322 | 49,9 | 100% | 74% | 43% |

*Maximum filling depending on support span (m) considering a cable load of 0,23 kg/(m·cm²)

DATA SHEET / BẢNG DỮ LIỆU

MODELS / MẪU

100x35; 150x35; 200x35; 300x35;
100x65; 150x65; 200x65; 300x65; 400x65; 500x65; 600x65;
100x105; 150x105; 200x105; 300x105; 400x105; 500x105; 600x105.

COATINGS / LỚP PHỦ

EZ, HDG70

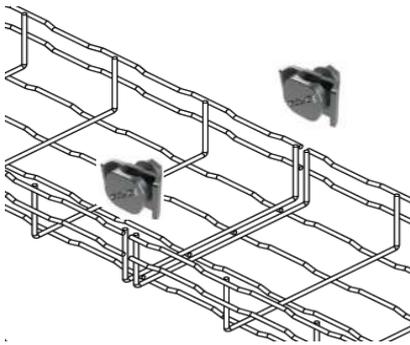
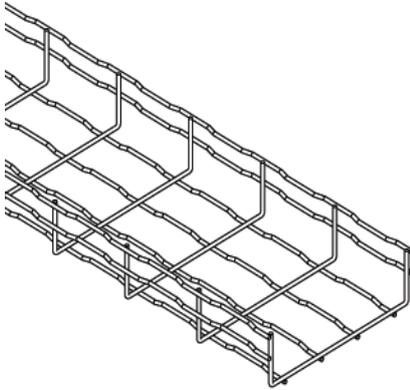
CHARACTERISTICS / ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM

Metallic / Kim loại
Non-flame propagating / Không lan truyền ngọn lửa
System with electrical continuity / Hệ thống có tính liên tục điện
Electrically conductive component / Thành phần dẫn điện
Minimum temperature: -50 °C / Nhiệt độ tối thiểu: -50 °C
Maximum temperature: 150 °C / Nhiệt độ tối đa: 150 °C
With metallic coating, corrosion resistance:
Có lớp phủ kim loại, khả năng chống ăn mòn:
EZ finish: class 3 / Hoàn thiện EZ: cấp độ 3
Coating HDG 70: class 7
Lớp phủ HDG 70: cấp độ 7
Impact resistance: 20 J / Khả năng chịu va đập: 20J
Compliant with RoHS Directive 2011/65/EU / Tuân thủ Chỉ thị RoHS 2011/65/EU

Classification according to the free area of the base:

Phân loại theo diện tích thông thoáng của đáy:

| Base Modelos | Clasificación |
|--------------|---------------|
| 60 I304/I316 | Z |
| 60 EZ/EZ1000 | X |
| 100 | Y |
| 150 | Z |
| 200 | Y |
| 300 | Y |
| 400 | Y |
| 500 | Y |
| 600 | Y |

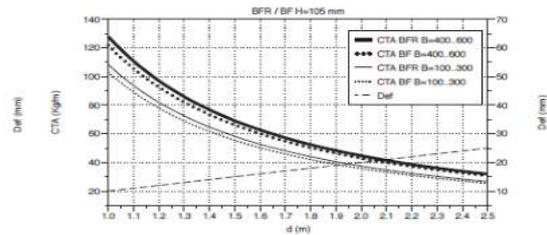
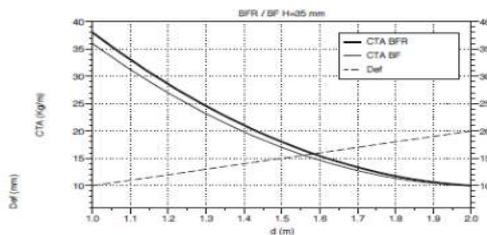
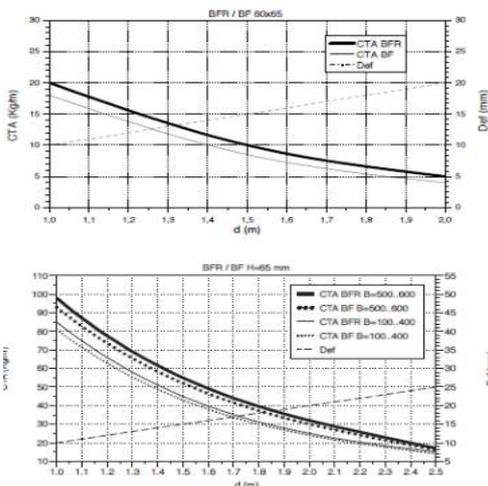


ASSEMBLY INSTRUCTIONS / HƯỚNG DẪN LẮP RÁP

- Heights 65 and 105 are assembled using one CGBF quick connector on each side.
- URBF clamp sets or CULA sets can also be used.
- For widths of 300 mm or more, an additional CGBF clamp set is added in the center of the base.
- The tray can be mounted directly to horizontal supports using CTBF screw sets or to the floor using M6 anchors and GBF clamps.
- It is recommended to place the joints at a distance between L/4 and L/5 of the span between supports.
- Cable tray installations for electrical conduits MUST NOT be placed below other types of conduits, such as those for water, steam, or gas.
- For easier cable handling, it is recommended to install the trays with a minimum spacing of 250 mm between them.
- Trays mounted on supports should be installed 20 mm away from the wall to allow optimal cable ventilation.

- Chiều cao 65 và 105 được lắp bằng một khớp nối nhanh CGBF ở mỗi bên.
- Cũng có thể sử dụng bộ kẹp URBF hoặc bộ CULA.
- Từ chiều rộng 300 trở lên, thêm một bộ kẹp CGBF ở giữa đáy máng.
- Máng có thể được lắp trực tiếp vào giá đỡ ngang bằng bộ vít CTBF hoặc lắp trên sàn bằng tắc kê M6 và kẹp GBF.
- Khuyến nghị lắp các khớp nối ở khoảng cách từ L/4 đến L/5 so với khoảng cách giữa các giá đỡ.
- Không được lắp máng cáp điện bên dưới các loại ống dẫn khác, như ống nước, hơi nước hoặc khí gas.
- Để dễ thao tác với cáp, khuyến nghị lắp đặt máng cáp cách nhau ít nhất 250 mm.
- Các máng lắp trên giá đỡ nên cách tường 20 mm để đảm bảo thông gió tối ưu cho cáp.

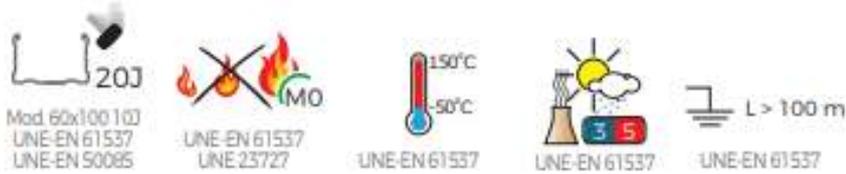
SAFE WORKING LOAD / TẢI TRỌNG LÀM VIỆC AN TOÀN



This technical data sheet, issued in compliance with the product standard, already constitutes the necessary electrical risk analysis in accordance with the Low Voltage Directive 2014/35/EU of February 26, 2014, in force since May 20, 2016.

Bảng dữ liệu kỹ thuật này, được ban hành phù hợp với tiêu chuẩn sản phẩm, đã bao gồm phân tích rủi ro điện cần thiết theo Chỉ thị Điện áp Thấp 2014/35/EU ngày 26 tháng 2 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2016.

BasorTray FE



| H100 | | | | | | | | |
|------|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 2m | 3m | 4m | 5m | 6m |
| 100 | 4 | 84 | 13 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 150 | 6 | 126 | 19,5 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 200 | 8 | 168 | 26,0 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 300 | 12 | 252 | 39,1 | 100% | 100% | 100% | 100% | 78% |
| 400 | 16 | 336 | 52,1 | 100% | 100% | 100% | 84% | 58% |
| 500 | 20 | 420 | 65,1 | 100% | 100% | 98% | 67% | 47% |
| 600 | 24 | 504 | 78,1 | 100% | 100% | 82% | 56% | 39% |

| H120 | | | | | | | | |
|------|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 2m | 3m | 4m | 5m | 6m |
| 150 | 6 | 156 | 24,2 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 200 | 8 | 208 | 32,2 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 300 | 12 | 312 | 48,4 | 100% | 100% | 100% | 100% | 72% |
| 400 | 16 | 416 | 64,5 | 100% | 100% | 100% | 78% | 54% |
| 500 | 20 | 520 | 80,6 | 100% | 100% | 100% | 63% | 43% |
| 600 | 24 | 624 | 96,7 | 100% | 100% | 84% | 52% | 36% |

| H150 | | | | | | | | |
|------|------|-----------------|-----------------|---------------|------|------|------|------|
| B | | Filling Area | | Max. Filling* | | | | |
| mm | inch | cm ² | in ² | 2m | 3m | 4m | 5m | 6m |
| 150 | 6 | 201 | 31,2 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 200 | 8 | 268 | 41,5 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 300 | 12 | 402 | 62,3 | 100% | 100% | 100% | 100% | 76% |
| 400 | 16 | 536 | 83,1 | 100% | 100% | 100% | 85% | 57% |
| 500 | 20 | 670 | 103,9 | 100% | 100% | 100% | 68% | 45% |
| 600 | 24 | 804 | 124,6 | 100% | 100% | 87% | 57% | 38% |

DATA SHEET / BẢNG DỮ LIỆU

MODELS / MẪU

100x100; 150x100; 200x100; 300x100; 400x100; 500x100; 600x100;
150x120; 200x120; 300x120; 400x120; 500x120; 600x120;
150x150; 200x150; 300x150; 400x150; 500x150; 600x150.

COATINGS / LỚP PHỦ

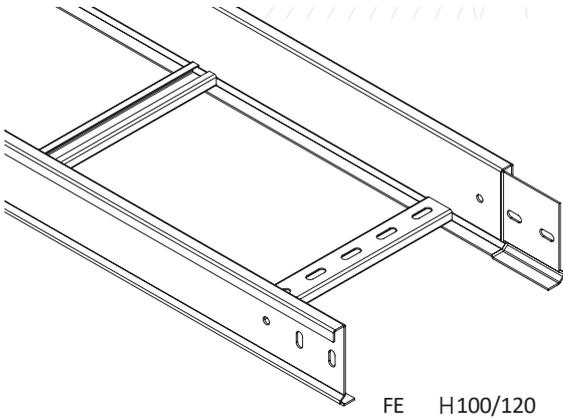
HDG, HDG70, HDG85 - Hot-Dip Galvanized acc. to ISO 1461 (Steel DD11 acc. to EN 10111). / HDG, HDG70, HDG85 - Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ISO 1461 (Thép DD11 theo tiêu chuẩn EN 10111).

CHARACTERISTICS / ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM

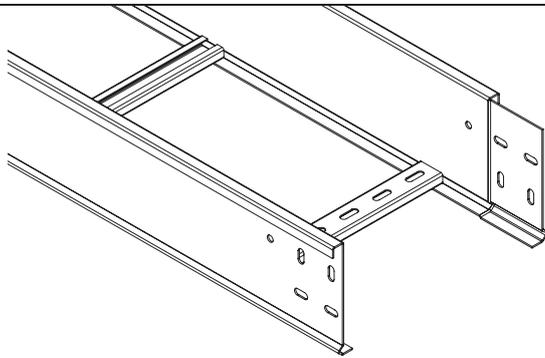
Metallic / Kim loại
Non-flame propagating / Không lan truyền ngọn lửa
System with electrical continuity / Hệ thống có tính liên tục điện
Electrically conductive component / Thành phần dẫn điện
Minimum temperature: -50 °C / Nhiệt độ tối thiểu: -50 °C
Maximum temperature: 150 °C / Nhiệt độ tối đa: 150 °C
With metallic coating, corrosion resistance:
Có lớp phủ kim loại, khả năng chống ăn mòn:
HDG coating: class 6 (55 µm) / HDG lớp phủ: cấp 6 (55 µm)
HDG70 coating: class 7 (70 µm) / HDG70 lớp phủ: cấp 7 (70 µm)
HDG85 coating: class 8 (85 µm) / HDG85 lớp phủ: cấp 8 (85 µm)
Impact resistance: 20 J / Khả năng chịu va đập: 20J

Phân loại theo diện tích thông thoáng của đáy:

| Base Model | Classification | |
|------------|----------------|-------|
| | p=250 | p=333 |
| 100 | X | X |
| 150 | X | X |
| 200 | X | X |
| 300 | X | Y |
| 400 | Y | Y |
| 500 | Y | Y |
| ≥ 600 | Y | Y |



FE H100/120



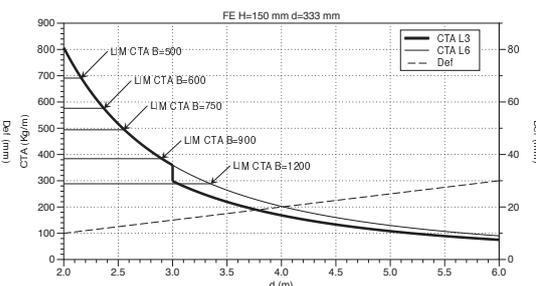
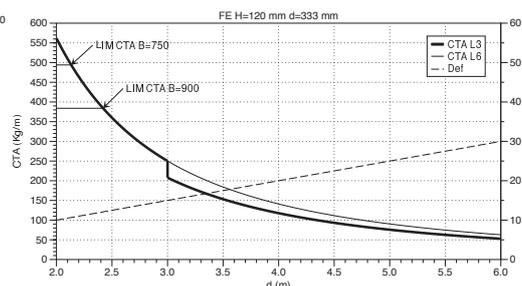
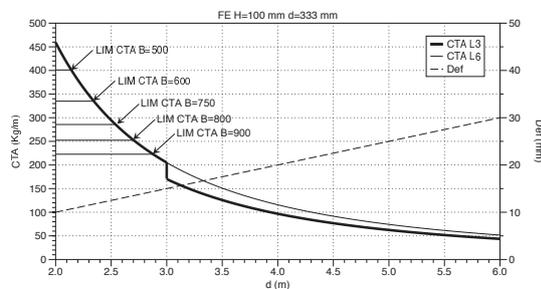
FE H150

ASSEMBLY INSTRUCTIONS / HƯỚNG DẪN LẮP RÁP

- To assemble the tray, each section requires 4 B2 bolt sets (8 sets for H150) and no union joint plates are needed. Remember to use screws in stainless steel 304-A2. It will be necessary 316-A4 if the environment presents chlorides, as in "facili" es near the sea.
- The position of the union must be placed between L/4 and L/5 from the support, being "L" the distance between supports.
- Tray installations for electrical systems should NOT run under other types of canalisations such as water, steam or gas.
- To guarantee a good ventilation we recommend installing the trays keeping a minimum distance of 250 mm between each tray.
- To allow optimal ventilation of the cables, trays placed on supports must be separated 20 mm from the wall.

- Để lắp ráp máng cáp, mỗi đoạn cần 4 bộ bu lông B2 (8 bộ đối với H150) và không cần bản nối. Hãy nhớ sử dụng vít bằng thép không gỉ 304-A2. Nếu môi trường có chứa clorua, như ở các cơ sở gần biển, cần sử dụng thép không gỉ 316-A4.
- Vị trí nối phải được đặt trong khoảng từ L/4 đến L/5 tính từ điểm đỡ, trong đó "L" là khoảng cách giữa các điểm đỡ.
- Việc lắp đặt máng cáp cho hệ thống điện KHÔNG được thực hiện bên dưới các loại ống dẫn khác như ống nước, hơi nước hoặc khí gas.
- Để đảm bảo thông gió tốt, nên lắp đặt các máng cáp cách nhau tối thiểu 250 mm.
- Để đảm bảo thông gió tối ưu cho cáp, các máng đặt trên giá đỡ phải cách tường 20 mm.

SAFE WORKING LOAD / TẢI TRỌNG LÀM VIỆC AN TOÀN



This technical data sheet, issued in compliance with the product standard, already constitutes the necessary electrical risk analysis in accordance with the Low Voltage Directive 2014/35/EU of February 26, 2014, in force since May 20, 2016.

Bảng dữ liệu kỹ thuật này, được ban hành phù hợp với tiêu chuẩn sản phẩm, đã bao gồm phân tích rủi ro điện cần thiết theo Chỉ thị Điện áp Thấp 2014/35/EU ngày 26 tháng 2 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2016.

BE Basor
CABLE TRAY SPECIALIST

Basor Electric SA
Avenida Alcodar 45-47
46701 Gandia (Valencia)
SPAIN
+34.962876695
j.casey@basor.com
basor@basor.com